

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG VƯỢNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG VƯỢNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108564530

**3. Ngày thành lập:** 02/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6 tòa nhà MD Complex (Tòa VP), số 68 Nguyễn Cơ Thạch, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649(Chính) |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hương liệu, tinh dầu mỹ phẩm Bán buôn bao bì, chai lọ dùng cho mỹ phẩm bằng nhựa, thủy tinh, gốm sứ Bán buôn các sản phẩm chăm sóc sắc đẹp                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 3.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4719        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4632        |
| 5.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                                                                                                                                | 6399        |
| 6.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730        |
| 7.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4791        |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652        |
| 9.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4772        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690        |
| 11. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4722        |
| 12. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4789        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659        |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4711        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8220        |
| 17. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7729        |
| 18. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2630        |
| 19. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641        |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4741        |
| 21. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4742        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 321480167

Nơi cấp: Công an tỉnh Bến Tre

Chỗ ở hiện tại: 22/50/14/5 Huỳnh Đình Hai, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 26/07/1994

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 321480167

Nơi cấp: Công an tỉnh Bến Tre

Chỗ ở hiện tại: 22/50/14/5 Huỳnh Đình Hai, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam